

## BẢNG ĐIỂM

### Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ(222.1)\_LT\_02

Học kỳ: 2\_2022-2023. Giảng viên: Phạm Thị Hải Châu

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Chuyên cần	Điểm Hồ sơ học phần	Điểm Thực hành
1	205714020110167	LƯƠNG THỊ MAI	ANH	8.0	8.5	7.0
2	205714020110173	NGUYỄN THỊ	ÁNH	8.5	9.0	7.0
3	205714020110082	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	7.5	9.0	8.5
4	205714020110088	PHAN THỊ	ANH	8.0	9.5	9.0
5	205714020110192	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	8.0	9.0	7.0
6	205714020110206	TRƯỜNG THỊ LAN	ANH	8.0	7.5	5.0
7	205714020110205	TRƯỜNG THỊ VÂN	ANH	8.0	9.0	7.5
8	205714020110201	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	8.0	8.5	7.0
9	205714020110079	NGUYỄN THỊ MỸ	CHÍNH	0.0	0.0	0.0
10	205714020110154	VÀ Y	DÊNH	8.0	8.5	7.0
11	205714020110067	LÂM THỊ THÙY	DUNG	7.5	9.5	9.0
12	205714020110188	PHAN THỊ HOÀNG	GIANG	7.5	9.0	8.0
13	205714020110146	UÔNG THỊ	GIANG	8.0	8.5	7.0
14	205714020110141	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	8.0	9.5	8.5
15	205714020110189	ĐINH THỊ	HOÀI	8.0	9.5	9.0
16	205714020110197	NGUYỄN THỊ LÊ	HOÀI	8.0	8.5	7.0
17	205714020110065	ĐẬU THỊ	HỒNG	9.0	10.0	9.0
18	205714020110194	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	7.0	6.0	5.0
19	205714020110104	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	8.0	8.5	7.0
20	205714020110066	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	9.5	10.0	8.5
21	205714020110063	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	6.0	5.5	5.0
22	205714020110060	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	8.0	9.0	7.5
23	205714020110127	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	8.0	9.0	7.5
24	205714020110111	ĐINH THỊ	HƯỜNG	8.0	9.5	8.5
25	205714020110181	ĐẶNG THỊ	LÊ	8.0	8.5	7.0
26	205714020110160	HỒ THỊ	LINH	8.5	9.0	7.5
27	205714020110102	NGUYỄN THỊ	LINH	7.5	8.5	7.5
28	205714020110058	NGUYỄN THỊ	LINH	8.0	9.0	7.5
29	205714020110091	NGUYỄN THỊ LÝ	LINH	8.0	8.5	7.0
30	205714020110124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	8.0	10.0	9.5
31	205714020110182	ĐẬU THỊ	LÝ	7.5	9.5	9.0
32	205714020110214	ĐÀO NGỌC	MAI	8.0	9.5	9.0

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Chuyên cần	Điểm Hồ sơ học phần	Điểm Thực hành
33	205714020110180	LÊ THỊ	MAI	9.0	9.5	7.5
34	205714020110207	LÔ THỊ	MƠ	8.0	8.5	7.0
35	205714020110073	CAO THỊ	NA	8.0	9.0	7.5
36	205714020110136	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	7.0	8.0	7.0
37	205714020110076	ĐÀO THỦY	NGUYỄN	8.0	8.5	7.0
38	205714020110219	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	7.5	8.5	7.0
39	205714020110185	SẦM THỊ MỸ	NHẠC	8.0	9.5	9.0
40	205714020110100	NGUYỄN THỊ OANH	NHI	8.0	9.5	9.0
41	205714020110203	NGUYỄN THỊ	NHUNG	7.5	9.5	9.0
42	205714020110042	TRƯƠNG THỊ	NHUNG	8.0	9.0	8.0
43	205714020110199	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	8.0	8.5	7.0
44	205714020110148	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	9.0	9.0	7.0
45	205714020110036	LÊ THỊ	NƯỞNG	8.0	9.0	7.5
46	205714020110013	PHAN THỊ THU	PHƯƠNG	7.5	8.5	7.5
47	205714020110054	TRỊNH THỊ MINH	PHƯƠNG	7.5	8.5	7.0
48	205714020110157	HOÀNG THỊ NHƯ	QUỲNH	7.0	9.0	8.5
49	205714020110202	NGUYỄN THỊ MAI	SƯƠNG	8.0	9.5	9.0
50	205714020110145	PHẠM THỊ MỸ	TÂM	8.0	9.5	8.5
51	205714020110165	VÕ THỊ	TÂM	8.0	9.0	7.5
52	205714020110138	NGUYỄN THỊ	THÀNH	7.5	8.5	7.0
53	205714020110080	TRẦN THỊ	THÀNH	9.0	10.0	9.5
54	205714020110069	MẠC THỊ THU	THẢO	8.0	9.5	8.5
55	205714020110004	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	8.0	9.0	8.0
56	205714020110094	VI THỊ	THIỆT	8.0	8.5	7.0
57	205714020110161	NGUYỄN THỊ	THỐ	8.0	9.5	9.0
58	205714020110087	NGUYỄN THỊ	THU	8.0	9.5	9.0
59	205714020110070	PHAN THỊ	THUẬN	8.0	8.5	7.0
60	205714020110177	HỒ THỊ	THÚY	8.0	9.5	9.0
61	205714020110072	HOÀNG THỊ	THƯƠNG	8.0	9.5	9.0
62	205714020110186	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	7.5	9.0	8.5
63	205714020110101	NGUYỄN THỊ HUYỀN	THƯƠNG	8.0	8.5	7.0
64	205714020110198	KHA THỊ CẨM	TIÊN	7.5	9.5	9.0
65	205714020110031	NGUYỄN THỊ ĐỨC	TOÀN	7.5	9.5	9.5
66	205714020110196	NGUYỄN THỊ	TRÀ	8.0	9.5	9.0
67	205714020110081	HÀ THỊ	TRANG	7.5	9.0	8.0
68	205714020110115	HOÀNG THỊ QUỲNH	TRANG	7.5	8.5	7.0
69	205714020110043	LÊ THỊ THÙY	TRANG	8.0	9.5	9.0
70	205714020110105	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	8.0	9.5	8.5

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Chuyên cần	Điểm Hồ sơ học phần	Điểm Thực hành
71	205714020110133	LÊ THỊ	TRÂM	9.0	9.0	7.0
72	205714020110047	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	9.0	10.0	9.0
73	205714020110113	BÀNH THỊ THẢO	VÂN	7.0	8.5	8.0
74	205714020110044	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	8.0	9.0	7.5

*Nghệ An, ngày 30 tháng 05 năm 2023*

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**